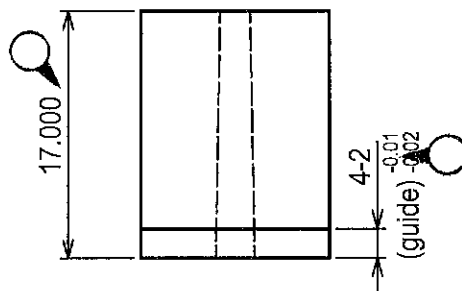
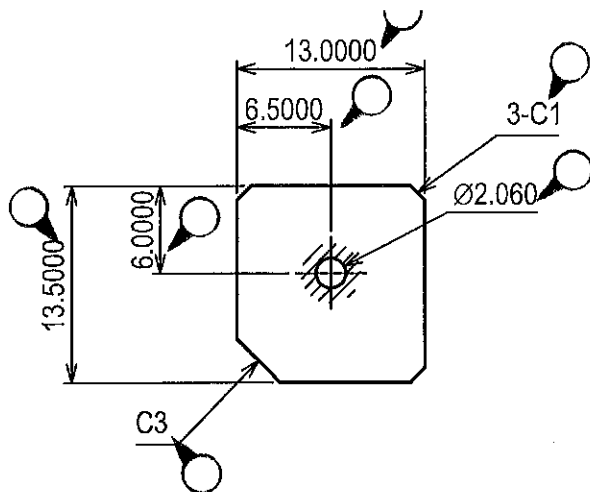


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2018/10/16	新規设计		Li_Xin_Xin	Cai_Wei_Feng	0.0000	± 0.002	0.000 ⁺⁰	⁺⁰ -0.005
△						0.000	± 0.005	0.000 ⁺⁰	^{+0.005} -0
△						0.00	± 0.01	0.00 ⁺⁰	⁺⁰ -0.01
△						0.0	± 0.1	0.00 ⁻⁰	^{+0.01} -0
						0.	± 0.2	0.0 ⁺⁰	⁺⁰ -0.1
								0.0 ⁻⁰	^{+0.1} -0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED									
FINISH MARKS									
<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> G WE </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> ▽▽▽ (▽▽▽) </div>									

**EW1:Ra phôi 2 mặt(mặt có C3)
T18*13.5*14**

GS1:
 -17.000=>lượt sáng
 -13.000=>13.06
 -13.500=>13.56
 Đảm bảo vuông góc,// max=0.003
 -C3=>ok
 -3-C1=>ok



Notes:

- As the hatched part corresponds to the cutting blade, it is prohibited to chamfer this part.
- recess of cutting blade shall be 6' (one side) full slope recess.

S CHUẨN

414 206 0102

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Li_Xin_Xin	Cai_Wei_Feng	部品図		ダイ
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		DIE
HRC 0 ° ~ 0 °		部品図		下模
		部品図		下模
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
WC(D30/HIP)	2018/10/16	2:1		R181793

SNO: **R181793**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P